

Bản án số: 27/2022/ HNGĐ - ST
Ngày 27-9-2022
Về việc “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN R, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Khánh.
2. Bà Kiều Việt Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 120/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 22/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 574/ QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện R, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm 1982
Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi
Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Anh **Trần Văn K**, sinh năm 1979
Địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi
Anh K vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2001. Quá trình chung sống thường hay cãi nhau vì anh K coi thường chị, anh K có quan hệ không rõ ràng với những người phụ nữ khác, đồng thời có mâu thuẫn về kinh tế, khi chị nói thì anh K xúc phạm, đánh đập chị. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K.

Về nuôi con: Chị và anh Trần Văn K có 2 người con là Trần Văn T1, sinh ngày 08/6/2008 và Trần Thị Như Y, sinh ngày 28/11/2013, hiện 2 con đang ở với

chị và anh K. Khi ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thị Như Y, còn anh K trực tiếp nuôi dưỡng con là Trần Văn Thủ, chị và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai, biên bản phiên họp và tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Văn K trình bày:

Việc anh kết hôn và có 2 con với chị Phạm Thị T đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, có lúc chị T cãi bướng nên anh cũng có đánh chị T. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ, thiếu tin tưởng, nên dẫn đến cãi nhau. Kể từ đầu tháng 8 đến nay chị T đưa con Trần Thị Như Y về sinh sống và chuyển trường học cho cháu Y đến tại huyện A là quê của chị để sinh sống. Nay chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn thì anh Trần Văn K không đồng ý ly hôn chị T, anh muốn đoàn tụ để nuôi dạy các con.

Về nuôi con: Nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi con Trần Văn T1, sinh ngày 08/6/2008, còn chị T nuôi con Trần Thị Như Y, sinh ngày 28/11/2013, anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử: Giải quyết cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Trần Văn K; Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Trần Thị Như Y, sinh ngày 28/11/2013, giao cho anh Trần Văn K trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Trần Văn T1, sinh ngày 08/6/2008, chị T và anh K không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần Văn K, anh K có nơi cư trú ở thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện R, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 01 tháng 5 năm 2005, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Phạm Thị T có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Quảng Ngãi đã thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Trần Văn K đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi, nhưng anh K không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, tại phiên tòa ngày 09/9/2022 anh Trần Văn K vắng mặt lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 27/9/2022 anh Trần Văn K vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K.

[4] Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống giữa chị T và anh K đã xảy ra mâu thuẫn, cãi và đánh đập nhau. Nay chị Phạm Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn, anh Trần Văn K không đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị T, nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K không còn, anh, chị không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Trần Văn K là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về nuôi con: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K có 2 người con là Trần Văn T1, sinh ngày 08/6/2008 và Trần Thị Như Y, sinh ngày 28/11/2013, chị T và anh K đều trình bày là khi ly hôn chị T nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Thị Như Y, sinh ngày 28/11/2013, còn anh K nhận trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Văn T1, sinh ngày 08/6/2008, chị T và anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Trần Thị Như Y có nguyện vọng được ở với chị Phạm Thị T và thực tế hiện nay cháu Trần Thị Như Y đang ở cùng chị T và học tập tại huyện A, tỉnh Quảng Ngãi, còn cháu Trần Văn T1 có nguyện vọng ở với anh Trần Văn K và hiện cháu T1 đang sinh sống với anh K và học tập tại huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, vì vậy, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của cháu Trần Văn T1, cháu Trần Thị Như Y và chị Phạm Thị T, anh Trần Văn K trong việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Trần Thị Như Y cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Trần Văn T1 cho anh Trần Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Quá trình nuôi dưỡng các con, nếu có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K có quyền khởi kiện theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm này chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K không yêu

cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K đều trình bày về tài sản chung anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về nghĩa vụ tài sản (nợ chung): Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K đều trình bày về nợ chung không có, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện R về việc giải quyết về vấn đề hôn nhân, nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ tài sản giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Trần Văn K.

2. Về nuôi con: Giao con tên là Trần Thị Như Y, sinh ngày 28/11/2013 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con tên là Trần Văn T1, sinh ngày 08/6/2008 cho anh Trần Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Phạm Thị T và anh Trần Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001598 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Ngãi, chị Phạm Thị T đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện R;
- Chi cục THADS huyện R;
- UBND TT. E;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Trần Thị Thanh Bình